

Bản án số: 186/2017/HNGĐ - ST.

Ngày: 22/9/2017.

V/v tranh chấp: *Xin ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **LÊ THỊ LAN.**

2- Ông **PHÙNG THANH QUANG.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THÀNH NAM** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số 541/2017/TLST-HN ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp “**Xin ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 120/2017/HPT ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **LÊ THỊ NHƯ Y** Sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh **PHẠM HỮU T** Sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Y có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 24/7/2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Như Y trình bày:** Do quen biết chị và anh Phạm Hữu T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2009, có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, anh T nhậu nhẹt về chửi mắng đánh đập chị nhiều lần, mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Nhân H, sinh ngày: 06/12/2010, hiện đang sống với chị.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*** Bị đơn anh Phạm Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không lý do.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư

cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến kiến nghị gì.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án giữa nguyên đơn chị Lê Thị Như Y, sinh năm: 1987, địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An và bị đơn anh Phạm Hữu T, sinh năm: 1980, địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, về tranh chấp “**Xin ly hôn**” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn anh Phạm Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009 do quen biết, có đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân theo chị Y trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh thường xuyên nhậu nhẹt chửi mắng đánh đập chị. Tại phiên tòa hôm nay, chị Y cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng vì thời gian ly thân đã lâu, mặc khác tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do xem như anh từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ tình cảm anh chị đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho chị Y được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung tên Phạm Lê Nhân H, sinh ngày 06/12/2010, hiện đang sống với chị Y. Tại phiên tòa hôm nay, chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân thì chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, để tránh xáo trộn về tâm sinh lý cũng như cuộc sống bình thường của cháu nghĩ nên giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Như Y.

- Cho chị Lê Thị Như Y được ly hôn với anh Phạm Hữu T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Nhân H, sinh ngày 06/12/2010 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y không yêu cầu.

Anh T được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí:

Chị Lê Thị Như Y phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07249 ngày 24/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên chị không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị Y được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi Cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ngọc